

DƯƠNG VĂN BIÊN*

GIÁO HỘI HỌC CỦA JOSEPH RATZINGER: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ NỘI DUNG CỐT YẾU

Tóm tắt: *Joseph Ratzinger là nhà thần học có ảnh hưởng lớn đối với Công giáo thời kỳ hiện đại, đặc biệt trên phương diện Giáo hội học. Để có thể lý giải và đánh giá một cách hệ thống về quan điểm của Ratzinger về Giáo hội, bài viết của chúng tôi tập trung vào hai nội dung chính. Phần thứ nhất phân tích về bối cảnh, cơ sở hình thành quan điểm thần học về Giáo hội của Joseph Ratzinger, bao gồm bối cảnh thời đại, đời sống cá nhân và cơ sở đào tạo thần học. Phần thứ hai của bài viết phân tích về một số nội dung cơ bản về Giáo hội học của Joseph Ratzinger như quan điểm về bản chất Giáo hội, cơ cấu Giáo hội và tính nữ của Giáo hội.*

Từ khóa: *Giáo hội học; Hiệp thông; Thánh thể; Tính nữ; Cơ cấu; Joseph Ratzinger.*

Dẫn nhập

Joseph Ratzinger là một nhà thần học và quản trị Giáo hội Công giáo có ảnh hưởng lớn trong thời kỳ hiện đại của Công giáo. Không chỉ là một chuyên viên thần học của Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger còn giữ những vị trí quan trọng trong Giáo hội như Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin và Giáo hoàng. Những quan điểm về Giáo hội của ông góp phần vào cách nhìn nhận chính thống của Giáo hội Công giáo trong những vấn đề liên quan tới Giáo hội học. Trưởng thành trong thời gian Giáo hội Công giáo có những bước

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết hình thành từ nội dung Đề tài cấp cơ sở năm 2019: *Quan điểm về Giáo hội của Joseph Ratzinger* do Dương Văn Biên làm chủ nhiệm.
Ngày nhận bài: 08/8/2019; Ngày biên tập: 14/8/2019; Duyệt đăng: 23/8/2019.

chuyển mình lớn trước bối cảnh nhiều biến động của thời đại, Joseph Ratzinger luôn trăn trở về những vấn đề của Giáo hội. Ông cho rằng, việc nghiên cứu hiểu biết về Giáo hội hay Giáo hội học chính là một chủ đề mà các nhà thần học, bao gồm cả chính bản thân ông, cần tập trung. Vậy các quan điểm về Giáo hội của Joseph Ratzinger được ra đời trên cơ sở và trong bối cảnh nào? Khi đối diện với các di sản thần học trong quá khứ và các khuynh hướng thần học hiện đại, Joseph Ratzinger đã lựa chọn lối đi nào trong cách nhìn nhận về Giáo hội? Dựa theo cách tiếp cận Tôn giáo học và phương pháp duy vật lịch sử để kế thừa các nghiên cứu đi trước, tác giả bài viết này phân tích và tìm câu trả lời cho các câu hỏi trên.

1. Bối cảnh và cơ sở hình thành quan điểm về Giáo hội của Joseph Ratzinger

1.1. Bối cảnh thời đại và cá nhân của Joseph Ratzinger

Một trong những sự kiện chính trị-xã hội có ảnh hưởng rất lớn trong thời gian được sinh ra và lớn lên của Joseph Ratzinger chính là sự xuất hiện của Chủ nghĩa Phát xít Đức và Chiến tranh Thế giới thứ 2. Bản thân Joseph Ratzinger bị lôi cuốn vào cuộc Chiến tranh Thế giới thứ 2, nhưng ông là người không ủng hộ Đức Quốc Xã¹. Cùng với những biến động của đời sống chính trị, xã hội thì tình hình Giáo hội lúc bấy giờ cũng có tác động lớn tới Joseph Ratzinger, đặc biệt là Công đồng Vatican II (1962-1965). Ratzinger tham gia công đồng này với tư cách là một cố vấn thần học cho Hồng y Joseph Frings, Tổng giám mục ở Cologne và trở thành một trong những chuyên viên thần học trẻ tuổi nhất (sau Hans Küng) của Công đồng. Ban đầu Ratzinger là người nhiệt liệt ủng hộ nhóm các nhà thần học tiến bộ nhưng sau đó ông tỏ ra dè dặt hơn và không muốn quá khuyến khích chương trình cải tổ Giáo hội. Nếu Công đồng Vatican II cho rằng, các giáo lý của Giáo hội được cởi mở để cải tiến thì vào những năm 1970, Ratzinger lại muốn làm chậm lại bất kỳ sự cải tiến nào. Ông xem Giáo hội không phải là “phòng thí nghiệm cho các dòng thần học”. Đầu những năm 1960, Ratzinger còn chống lại các nhà tư tưởng theo truyền thống trong

Giáo hội. Nhưng vào những năm 1970, ông bắt đầu chống lại những người theo trường phái cải cách và đề cao lại vai trò của hàng phẩm trật trong Giáo hội².

Ngoài bối cảnh thời đại, tiểu sử cá nhân cũng có ảnh hưởng tới tư tưởng thần học của Joseph Ratzinger. Ông sinh năm 1927 tại Marktl, Bavaria, Đức, một vùng đất có ảnh hưởng sâu sắc tới Ratzinger từ thời thơ ấu đến trưởng thành. Đây là một bang nông thôn lớn của Đức có quân đội riêng, hệ thống hành chính và đường tàu riêng vào thời điểm đó. Nằm dưới dãy Alps, nên Bavaria có khí hậu thuộc loại khắc nghiệt bậc nhất ở châu Âu. Từ thế kỷ XVI, Bavaria đã chính thức trở thành bang Công giáo khi nhà vua chống lại phong trào Cải cách. Sự bảo thủ về chính trị và xã hội của Bavaria cũng được thể hiện trong niềm tin Kitô giáo ở các gia đình và đời sống cá nhân.

Gia đình của Joseph Ratzinger sinh sống tại Bavaria. Bố ông là cảnh sát, còn mẹ ông làm đầu bếp tại Munich. Ratzinger thừa nhận ông có được tinh thần phê phán từ bố và cảm thức tôn giáo nồng ấm từ mẹ³. Từ lúc nhỏ, Ratzinger đã muốn trở thành một linh mục. Nhưng ông bị ép buộc tham gia quân đội Phát xít Đức. Mãi sau khi Chiến tranh Thế giới thứ 2 kết thúc, vào năm 1946 Ratzinger mới bắt đầu trở lại học tại chủng viện và tháng 9 năm 1947 ông theo học tại Đại học Thần học Munich⁴. Trong quá trình học triết học và thần học, nghiên cứu Kinh Thánh được đánh giá là điểm rất quan trọng và căn bản cho nền tảng tư tưởng của Joseph Ratzinger. Ngoài ra, phương pháp phê bình lịch sử cũng luôn có vị trí rất quan trọng cho nền tảng tư tưởng và tác phẩm thần học của Joseph Ratzinger. Luận án tiến sĩ của Ratzinger là bàn về quan niệm Dân Thiên Chúa của Thánh Augustine. Ông đã phân tích mối liên hệ giữa Augustine và Chủ nghĩa Platon. Công trình hậu tiến sĩ của Joseph Ratzinger nghiên cứu về tư tưởng của nhà thần học St. Bonaventure sống ở thế kỷ XIII. Sau khi hoàn thành công trình hậu tiến sĩ này, Joseph Ratzinger tham gia giảng dạy tại Đại học Bonn về giáo hội học, lịch sử và triết học tôn giáo⁵. Joseph Ratzinger

cũng là người thông thạo nhiều ngôn ngữ hiện đại như tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Italia, và tiếng Anh, cùng các ngôn ngữ cổ điển như Hi Lạp, Latin và Hebrew.

Từ năm 1962 tới 1965, ông là chuyên viên thần học tại Công đồng Vatican II. Joseph Ratzinger cho biết đây là quãng thời gian tuyệt vời vì ông có điều kiện gặp gỡ không chỉ là các giám mục, các nhà thần học mà còn tiếp xúc với các nền văn hóa khác nhau và các trường phái tư tưởng khác nhau trong Giáo hội. Ông tham gia Công đồng Vatican II làm tư vấn cho Hồng y Frings của Cologne và được đánh giá là thế hệ trẻ theo trường phái Tân Kinh viện (Neo-Scholasticism)⁶. Sau Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger tham gia vào nhóm các nhà thần học có xu hướng bảo thủ hơn. Tạp chí *Communio* vào năm 1972 với các đại biểu như von Balthasar, Henri de Lubac, M. J. Le Guillou, Louis Bouyer, Jorge Medina và Ratzinger được lập ra là để thúc đẩy tư tưởng Giáo hội học Hiệp thông và làm đối trọng với tạp chí *Concilium* của nhóm nhà thần học có tư tưởng cởi mở hơn.

Một sự kiện khác có ảnh hưởng lớn tới sự nghiệp của Joseph Ratzinger là ông được tham gia vào các vị trí quan trọng của bộ máy Giáo hội. Vào năm 1977, Joseph Ratzinger được Giáo hoàng Phaolô VI bổ nhiệm làm Giám mục tại Munic-Freising. Ông trở thành tổng giám mục rất trẻ khi mới chưa tới 50 tuổi. Sau khi trở thành tổng giám mục, Joseph Ratzinger đã gặp Karol Wojtyla (Giáo hoàng Gioan Phaolô II), người đã thay đổi cuộc đời ông. Giáo hoàng Gioan Phaolô II từng là hồng y tại Krakow, Ba Lan, và rất ấn tượng với Joseph Ratzinger, xem vị tổng giám mục người Đức này như là người có tiêu chuẩn vàng về đào tạo thần học và được xem là một trong những nhà thần học đáng giá nhất của Đức.

Joseph Ratzinger được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin vào năm 1981. Sự tham gia vào những vị trí quan trọng của bộ máy Giáo hội đã tác động tới những chuyển biến tư tưởng thần học của Joseph Ratzinger. Tư tưởng cứng rắn của Joseph Ratzinger càng về sau này càng thể hiện rõ hơn, đặc biệt khi ông trở thành Bộ

trưởng Bộ Giáo lý Đức tin. Sau khi Giáo hoàng Gioan Phaolô II qua đời, Joseph Ratzinger trở thành một trong những ứng viên cho ngôi vị Giáo hoàng. Tháng 4/2005, Ratzinger được bầu làm giáo hoàng và lấy tước hiệu là Benedict XVI. Tháng 2 năm 2013, Giáo hoàng Benedict XVI từ nhiệm ngôi vị Giáo hoàng.

1.2. Cơ sở thần học hình thành quan niệm về Giáo hội của Joseph Ratzinger

Được đào tạo thần học bài bản, Joseph Ratzinger còn là người học rộng biết nhiều. Thông thạo nhiều ngoại ngữ đã giúp ông tìm hiểu tư tưởng của nhiều nhà thần học. Từ khi bắt đầu nghiên cứu thần học, Ratzinger và nhiều nhà thần học đương thời ở Munich đã muốn tìm một con đường thay thế Chủ nghĩa Tân Kinh viện, một phong cách thần học Công giáo thống trị ở thời đại lúc đó. Chủ nghĩa Tân Kinh viện đã có những nỗ lực trong các thế kỷ XIX và XX để tái sáng tạo lại hệ thống thần học và triết học của Thánh Thomas Aquinas. Tuy nhiên, Ratzinger đã trở lại các nhà tư tưởng vĩ đại của Giáo hội ở các thời đại trước. Hai trong số các nhà thần học ở hai giai đoạn khác nhau có những tác động mạnh tới tư tưởng thần học nói chung của Joseph Ratzinger và quan niệm của ông về Giáo hội là Thánh Augustine ở thế kỷ IV và Bonaventure ở thế kỷ XVIII.

Thánh Augustine (354-430) tại Hippo là người có ảnh hưởng lớn đối với thế giới Kitô giáo⁷. Các quan điểm thần học của Augustine có ảnh hưởng sâu đậm tới quan điểm thần học của Joseph Ratzinger, đặc biệt là vấn đề quan niệm về giáo hội. Khác với nhiều nhà thần học khác, Ratzinger không bị cuốn hút bởi Chủ nghĩa Thomas trước Công đồng Vatican II. Ông nhận thấy Chủ nghĩa Kinh viện có sự vĩ đại nhưng lại quá khô cứng và trù tượng. Luận án tiến sĩ thần học của Ratzinger đã lựa chọn nghiên cứu về tư tưởng thần học của Thánh Augustine với tên đề tài là *People of God and God's House in Augustine's Doctrine of the Church* (Dân Thiên Chúa và Ngôi nhà của Thiên Chúa trong Học thuyết về Giáo hội của Augustine - DVB).

Ratzinger cho rằng, nhận thức luận (epistemology) của Augustine còn sâu sắc hơn nhiều so với nhận thức luận của Thomas Aquinas. Bởi vì những gì được tạo bởi Thiên Chúa theo Augustine không thể là yếu tố phi lịch sử và cũng không phải là mang lý tính thuần túy, mà còn là tình yêu⁸. Với Ratzinger, đức tin và lý trí, thần học và triết học có mối liên hệ với nhau. Đức tin không có lý trí sẽ kết thúc bởi sự sùng bái mù quáng, còn lý trí mà không có đức tin thì sẽ dẫn tới chủ nghĩa hư vô. Ratzinger cho rằng, lý tính thuần túy như Immanuel Kant quan niệm không tồn tại⁹. Chính Ratzinger từng thừa nhận rằng, Augustine đã là người đồng hành cùng ông trong suốt một chặng đường dài mấy chục năm. Ông đã phát triển thần học trong sự đối thoại với Augustine, dù rằng là cuộc đối thoại với tư cách của một người sống ở thời đại ngày nay¹⁰.

Ratzinger rất chú trọng khai thác sự tương tác giữa hai chủ đề “Dân Thiên chúa và ngôi nhà của Thiên Chúa”. Ratzinger đã phân tích quan niệm về Giáo hội trong các tác phẩm của Augustine. Ông nhận thấy có sự chuyển đổi giữa tính tâm linh và niềm tin mang tính lịch sử trong khái niệm về Giáo hội. Ratzinger đã nhận ra quan điểm của Augustine về Giáo hội mang tính cứu chuộc và cảm thức lịch sử giống như ở trong Kinh Thánh. Chính niềm tin theo lý giải của Augustine lại là “sự phản ánh” về một thực tại ở bên ngoài. Ở Augustine có một sự tồn tại nhị nguyên với một bên là những thứ được tạo ra và một bên là thứ không được tạo ra. Từ đó Augustine đã đi tới sự chuyển biến và quan niệm Giáo hội với hai hình thức tồn tại trên trần gian và trên thiên đường, và khẳng định Giáo hội đích thực là Giáo hội của sự thánh thiêng. Điều này được Augustine thể hiện rõ trong tác phẩm “*De civitate Dei*” (Thành đô của Thiên Chúa - DVB). Nghiên cứu sâu Giáo hội học của Augustine đã gợi lên những cảm hứng cho Ratzinger đóng góp vào Công đồng Vatican II. Trước khi Công đồng Vatican II nhấn mạnh tới hình ảnh Giáo hội như dân Thiên Chúa thì đầu những năm 50 của thế kỷ XIX, Ratzinger đã thể hiện cách nhìn này của Augustine

về Giáo hội như là dân và nhà của Thiên Chúa trong luận án của mình¹¹.

Không chỉ ảnh hưởng bởi quan điểm của Augustine, một trong những nhà thần học mà Joseph Ratzinger quan tâm nghiên cứu lúc đó là Bonaventure (1221-1274) thuộc dòng Phan Sinh. Công trình nghiên cứu hậu tiền sử của Ratzinger có tiêu đề là *The Theology of History in St. Bonaventure* (Thần học lịch sử trong quan điểm của Thánh Bonaventure). Với Ratzinger, Bonaventure trở thành hình mẫu cho việc sử dụng thần học để giải quyết các mối đe dọa từ các thành viên không chính thống ở trong cộng đồng. Cách mà Bonaventure giải quyết các nan đề về cách hiểu lịch sử của Kitô giáo đã tác động mạnh tới tư tưởng của Ratzinger. Điểm đặc biệt của Bonaventure chính là xây dựng thần học lịch sử dựa trên các câu chuyện của Kinh Thánh. “Kinh Thánh chỉ ra tương lai. Nhưng chỉ có Bonaventure mới là người hiểu rằng quá khứ có thể rút ngắn sự giải thích tương lai”¹².

Cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX cũng là thời điểm xuất hiện và phát triển của một thế hệ các nhà thần học mới với các gương mặt trẻ tuổi, như: Chenu, Romano Guardini, Yves Congar, Henri de Lubac, Hans Urs von Balthasar, Hugo, Karl Rahner, Jacques Maritain, Karo Wojtyla và Josef Pieper. Thế hệ các nhà thần học này thường không tách rời giữa Thiên Chúa và sự hóa thân của Thiên Chúa vào trong đời sống của loài người. Chính vì thế, Chúa Giêsu, theo quan niệm của họ, đã vượt qua sự tách biệt về mặt kinh viện và tâm linh. Nói cách khác, Thiên Chúa không còn đóng khung trong ý thức một cách trừu tượng, kinh viện, phi nhân tính, siêu hình, mà đã có sự tích hợp với chính đời sống tâm linh¹³.

Thế hệ các nhà thần học mới đã giải thích lại tư tưởng của Thomas Aquinas, nhất là mối quan hệ giữa lý trí và đức tin theo hướng tích hợp giữa thần học kinh viện và tâm linh lấy Chúa Kitô làm trung tâm. Sự đa dạng của các trường phái tư tưởng tới thời điểm bắt đầu Công đồng Vatican II đã được chia ra làm 3 nhóm.

Nhóm thứ nhất là những người theo *Chủ nghĩa Thomas mới* (Neo-Thomists). Nhóm thứ hai là những người theo phong trào *Về nguồn của Pháp* (French Ressourcement) và được xem như là những nhà thần học với đại diện tiêu biểu là Henri de Lubac và Jean Danielou. Nhóm thứ ba là các nhà thần học theo trường phái Thomas Siêu nghiệm ở Bỉ và Đức lấy Chủ nghĩa Duy tâm siêu nghiệm của Immanuel Kant làm trung tâm, với đại diện tiêu biểu là Karl Rahner. Sự đa dạng này chính là môi trường để Joseph Ratzinger có điều kiện tiếp xúc với các nhà thần học nổi tiếng.

Từ những năm 20 tuổi, Ratzinger đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của nhà thần học Romano Guardini (1885-1968). Từ khi còn là sinh viên ở độ tuổi hơn 20 tuổi, Joseph Ratzinger đã chú ý tới các sách của Guardini. Sau này, khi trở thành Giáo hoàng, Ratzinger đã xem Guardini là một nhân vật vĩ đại và chính Ratzinger đã thường xuyên trở lại các bài viết của Guardini. Gottlieb Sohngen (1892-1971), giáo sư thần học căn bản tại Cologne, chủ trương không xem Thiên Chúa là một khái niệm trừu tượng cao nhất như Chủ nghĩa Kinh viện được chứng minh qua định nghĩa hay công thức cũng có ảnh hưởng tới Joseph Ratzinger. Chính Gottlieb Sohngen là người đã dạy Ratzinger phê bình các quan điểm của chủ nghĩa tân kinh viện. Sohngen nhấn mạnh tới sự khác biệt nhưng cũng là sự tương tác giữa khía cạnh thông thái và khoa học của thần học.

Một nhân vật thần học khác có ảnh hưởng mạnh tới Ratzinger chính là Henri de Lubac. Ratzinger đã đọc tác phẩm *Catholicism* (Công giáo) của de Lubac. Chính Ratzinger sau này thừa nhận đây là tác phẩm có ý nghĩa nhất của de Lubac và xem đó như một tác phẩm chủ chốt ảnh hưởng đến tư tưởng của Ratzinger. Ông cho biết tác phẩm này giúp ông không chỉ có sự kết nối mới và sâu hơn đối với tư tưởng của các giáo phụ mà còn đem lại một cách thức mới trong việc tìm kiếm về thần học và đức tin, đặc biệt là việc tìm hiểu về tính duy nhất của Giáo hội và Thánh thể, đã giúp Ratzinger trở lại với cuộc đối thoại với Augustine¹⁴. Trong cả Giáo hội học và

thần học về Thánh thể, Joseph Ratzinger đều chịu ảnh hưởng bởi Henri de Lubac khi nhấn mạnh về mối quan hệ giữa Giáo hội và Thánh thể. Ratzinger xem Henri de Lubac như một người hùng trong thần học và nhận thấy ở Henri de Lubac có sự thống nhất sâu sắc của đức tin, Thánh thể và Giáo hội theo cách tiếp cận mới.

2. Một số quan điểm cơ bản của Joseph Ratzinger về Giáo hội

2.1. Quan điểm về bản chất của Giáo hội

2.1.1. Giáo hội như là Hiệp thông và Bí tích Thánh thể

Trong quan điểm về bản chất của Giáo hội, Joseph Ratzinger cũng có những lúc dao động, đặc biệt là trong thời gian diễn ra Công đồng Vatican II. Ban đầu Ratzinger chịu ảnh hưởng bởi các nhà thần học khác, như Hans Küng. Thông qua nghiên cứu từ nguyên học, Hans Küng cho rằng, thuật ngữ *ekklesia* (giáo hội) có cùng nghĩa với thuật ngữ *concilium* (công đồng)¹⁵. Thời điểm diễn ra Công đồng Vatican II và một thời gian sau Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger cũng đồng tình với quan điểm này của Hans Küng và một số nhà thần học khác. Không những vậy, Joseph Ratzinger đã cùng với các nhà thần học này sáng lập ra tạp chí *Concilium* để thúc đẩy quan điểm xem Giáo hội như là một công đồng của Thiên Chúa. Thế nhưng trong quá trình nghiên cứu về Kitô học và lại có nền tảng tư tưởng thần học khác với Hans Küng, Joseph Ratzinger đã không còn theo đuổi quan niệm xem Giáo hội như một công đồng nữa. Từ năm 1968, Joseph Ratzinger đã chính thức đề xuất quan niệm khác trong cách hiểu về bản chất của Giáo hội. Ông cho rằng, tuy quan điểm của Hans Küng có những điểm đúng, nhưng chắc chắn cần phải sửa lại. Mặc dù công đồng là biểu hiện quan trọng của Giáo hội, nhưng giáo hội sẽ là một thứ gì đó nhiều hơn nữa chứ không chỉ là công đồng. Joseph Ratzinger khẳng định: “Công đồng là cái gì đó mà Giáo hội tổ chức, nhưng Giáo hội không phải là công đồng”¹⁶. Công đồng được xem như là khí cụ phục vụ cho “cuộc đời Giáo hội”¹⁷.

Sau khi thừa nhận việc ủng hộ quan niệm Giáo hội như là một cộng đồng chỉ là suy nghĩ thoáng qua chứ không phải sự thức tỉnh của mình, Joseph Ratzinger đã quyết định lựa chọn khái niệm Hiệp thông (Koinonia, Communion) để diễn tả bản chất của Giáo hội. Ban đầu khái niệm này vẫn chưa phổ biến, nhưng tới Thượng Hội đồng Giám mục năm 1985 đã trở thành trung tâm. Hiệp thông được Joseph Ratzinger hiểu nhấn mạnh vào trung tâm Thánh thể của Giáo hội và trở về cách hiểu Giáo hội như là nơi mật thiết nhất của sự gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và con người. Joseph Ratzinger cũng lưu ý rằng, thuật ngữ Hiệp thông đã từng bị cô lập và bị giản lược rất nhiều. Điều đó dẫn tới hai cách hiểu về Giáo hội học Hiệp thông: *Thứ nhất*, Giáo hội học Hiệp thông được xem như một nền tảng hỗ trợ cho Giáo hội học “đa nguyên” để đối lập với những gì mà người ta gọi là Trung ương của Giáo hội; *Thứ hai*, Giáo hội học Hiệp thông muốn nhấn mạnh vào những trao đổi cho và nhận của các Giáo hội địa phương, các hình thức đa nguyên văn hóa trong thờ phượng của phụng vụ, giáo luật và giáo lý.

Joseph Ratzinger nhận định những cách hiểu này về hiệp thông đều nhấn mạnh vào quan hệ theo “chiều ngang” giống như một mạng lưới đa cộng đồng, nhấn mạnh vào quyền tự quyết của nhiều cộng đồng. Mặc dù có nhiều điểm đúng nhưng Joseph Ratzinger cho rằng, về căn bản thì cách hiểu Giáo hội như sự hiệp thông như vậy là sai. Bởi vì cách hiểu đó không phản ánh được ý nghĩa sâu sắc bên trong của Hiệp thông như trong Kinh Thánh Tân Ước và Công đồng Vatican II đã nói. Cách hiểu đó trước tiên phải dựa trên quan điểm của Kinh Thánh Tân Ước như Tông đồ Phaolô đã nói về sự hiệp thông, đó chính là tất cả mọi người đều “dự phần” vào Thân thể của Chúa Kitô qua Bí tích Thánh Thể. Khi cùng chia sẻ Bánh Thánh và Máu Chúa thì tất cả cũng “chỉ là một thân thể”¹⁸.

Không những khác với quan điểm của Hans Küng, Joseph Ratzinger cũng không ủng hộ việc quá nhấn mạnh vào quan điểm xem Giáo hội như là Dân Thiên Chúa, một khái niệm được nhà thần học Yves Congar rất đề cao và đã trở thành thống trị trong

Giáo hội học hậu Công đồng Vatican II. Hơn 10 năm sau Công đồng Vatican II, khái niệm “Dân Thiên Chúa” được Joseph Ratzinger đánh giá có khả năng “lan rộng nhanh như gió” và đã “hiện diện trong kho tàng từ vựng của các giám mục, hội đồng giáo xứ, các giáo sư và những tín hữu bình dân”¹⁹. Joseph Ratzinger cho rằng, khái niệm này vẫn là điểm nhấn, nhưng cần phải nhìn trong tương quan tổng thể với những thứ khác trong các bản văn của Công đồng Vatican II để đảm bảo được sự cân bằng.

Tuy nhiên, một số nhà thần học đã đánh mất sự cân bằng đó khi sa vào xu hướng nhìn nhận khái niệm Giáo hội nặng tính chất của Kinh Thánh Cựu Ước. Vì theo Joseph Ratzinger, khái niệm “Dân Thiên Chúa” trong Kinh Thánh thực tế “là sự tham chiếu tới dân Israel trong mối quan hệ của người thờ phượng và trung thành với Thiên Chúa. Cho nên việc giới hạn định nghĩa Giáo hội theo cách diễn tả này đã không đem tới sự diễn tả cách hiểu của Kinh Thánh Tân Ước về Giáo hội một cách đầy đủ được”²⁰. Quan điểm này của Joseph Ratzinger có phần khác biệt với quan điểm xem Giáo hội như là Dân Thiên Chúa của Yves Congar. Joseph Ratzinger nói: “Đằng sau khái niệm Giáo hội như là Dân Thiên Chúa, được đẩy sâu hơn vào bối cảnh ngày nay, đó là sự ẩn chứa chứa những ảnh hưởng từ Kinh Thánh Cựu Ước; và có lẽ cũng là chính trị và những ảnh hưởng của Chủ nghĩa tập thể”²¹.

Nhà thần học Joseph Ratzinger đã tìm ra một hướng đi khác với Yves Congar khi quan niệm Giáo hội của thời Tân Ước có đặc trưng nổi bật hơn chứ không phải sự mở rộng Dân Thiên Chúa như là sự tiếp nối dân tộc Israel. Đó là khái niệm Giáo hội như là “Thân thể của Chúa Kitô” (Body of Christ). Thực ra đây không phải là quan điểm mới trong nhìn nhận về bản chất của Giáo hội. Trước đó, nhà thần học giáo phụ Augustine đã cho rằng, Giáo hội là “Thân thể của Chúa Kitô”. Tư tưởng này được Augustine dựa trên quan niệm của Thánh Phaolô trong Kinh Thánh Tân Ước. Sau này trong luận án tiến sĩ thần học của mình, Joseph Ratzinger cho rằng, khái niệm “Dân Thiên Chúa” không phải là diễn giải quan trọng trong cách

hiểu về Giáo hội của Giáo phụ Augustine. Joseph Ratzinger nhận ra, Augustine xem Giáo hội đơn giản là “Thân thể của Chúa Kitô”²². Tư tưởng của Joseph Ratzinger cũng có sự khác biệt tinh vi so với tư tưởng của Giáo hoàng Piô XII trong *Thông điệp Nhiệm thể Chúa Kitô* (Mystici Corporis Christi)²³ được công bố vào năm 1943. Giáo hoàng Piô XII cho rằng, Giáo hội nếu chỉ xem là “Thân thể của Chúa Kitô” thì chưa đủ mà cần phải diễn đạt bằng một khái niệm khác. Ở đây, vị giáo hoàng này quan niệm không nên xem Giáo hội như là “Thân thể” vì đó là thứ hữu hình và sẽ dẫn tới sai lầm trong lĩnh vực chân lý thánh thiêng. Giáo hội phải là thứ “vô hình” và cần được xem như là “Nhiệm thể của Chúa Kitô”.

Joseph Ratzinger rõ ràng là đã phê phán quan điểm muốn trần tục hóa về bản chất của Giáo hội theo chiều kích xã hội, nhưng nhà thần học này không muốn dùng khái niệm “nhiệm thể”. Lí do vì, theo ông, khái niệm “thân thể” là đúng với nghĩa ban đầu vì Giáo hội đã nhận được thân thể của Chúa Kitô thông qua Bí tích Thánh thể. “Thân thể của Chúa Kitô” đã trở thành khái niệm nền tảng về Giáo hội, chứ không phải là một sinh thể tâm linh huyền nhiệm; điều đó đã trở thành hiện thực cụ thể nhất bởi việc cử hành Bí tích Thánh thể và sự hiệp thông bắt nguồn từ trong đó²⁴. Đồng thời Joseph Ratzinger cho rằng, nếu quá nhấn mạnh vào ý tưởng Nhiệm Thể Chúa Kitô thì có thể dẫn tới xu hướng xem Giáo hội như là sự sống liên tục của Chúa Kitô. Điều này sẽ có thể dẫn tới một sai lầm là đưa tới việc đồng hóa Giáo hội với Chúa Kitô” như đã từng xảy ra tại Đức²⁵.

Tuy nhiên, khi không đồng tình với những quan điểm trên thì Joseph Ratzinger rõ ràng sẽ vấp phải một nan đề. Đó là làm sao diễn tả được bản chất của Giáo hội vừa là một tổ chức có tính chất thế gian vừa là một tổ chức có tính chất tâm linh. Để vượt qua được xu hướng nhấn mạnh vào cấu trúc, thành phần hữu hình và xu hướng nhấn mạnh vào tính chất tâm linh, huyền nhiệm, vô hình trong quan điểm về bản chất của Giáo hội, Joseph Ratzinger đã dựa vào Giáo hội học Thánh thể của Augustine. Chính việc tập trung

vào Bí tích Thánh thể và xem đó như là một trung tâm đã giúp Joseph Ratzinger tiến tới sự thống nhất các tính chất tương chừng như đối lập nhau trong nhìn nhận về bản chất của Giáo hội: “tính nội tại và bên ngoài, tâm linh và thiết chế”²⁶. Lối đi này của Joseph Ratzinger cũng có phần chịu ảnh hưởng bởi quan niệm về Giáo hội của nhà thần học Henri de Lubac. Chính nhà thần học Henri de Lubac cũng đi theo hướng Giáo hội học Thánh thể khi quan niệm: “Giáo hội, như phép Thánh thể, là một mầu nhiệm thống nhất - mầu nhiệm giống nhau và là một cùng với sự dồi dào không cạn kiệt. Cả hai đều là thân thể của Chúa Kitô - cùng thân thể”²⁷.

2.1.2. Sự thống nhất giữa Giáo hội và cứu chuộc

Vai trò của Giáo hội đối với việc cứu chuộc là một chủ đề xuất hiện từ rất lâu trong những tranh luận của Kitô giáo và sau đó là Công giáo. Từ thế kỷ III đã có những tranh luận liệu những người đã chịu phép rửa bởi các phái dị giáo thì có cần làm lại phép này khi gia nhập Giáo hội không. Giám mục Cyprian của Carthage đã cho rằng phép rửa do những người dị giáo thực hiện không có giá trị. Ông khẳng định người Kitô hữu sẽ không có được Thiên Chúa như là người cha của mình nếu như không có được Giáo hội như là người mẹ của mình. Các nghiên cứu cho rằng, chính tư tưởng của Cyprian là sự xuất phát của quan điểm ngoài Giáo hội không có ơn cứu độ. Sau này nhà thần học giáo phụ Augustine cũng cho rằng, bất kỳ ai ngoài Giáo hội sẽ không được xem như những người con, và bất kỳ ai không muốn có Giáo hội như người mẹ thì cũng sẽ không có Thiên Chúa như người cha. Nhiều đời giáo hoàng, các công đồng sau này của Công giáo cũng khẳng định vai trò quan trọng của Giáo hội đối với vấn đề cứu chuộc. Giáo hoàng Piô XII (1939-1958) còn khẳng định Giáo hội là cửa vào duy nhất của cứu chuộc.

Đặt trong bối cảnh Công đồng Vatican II thì vấn đề mối quan hệ giữa Giáo hội và cứu chuộc cũng là một điểm nhấn cần quan tâm của các nhà thần học nói chung và Joseph Ratzinger nói riêng. Đặc biệt khi các nhà thần học và Giáo hội Công giáo lúc đó muốn tạo ra sự đại kết với các nhánh khác của Kitô giáo. Tuy nhiên, nếu so

sánh với các nhà thần học theo trường phái mở thì Joseph Ratzinger cũng có những khác biệt. Karl Rahner và Hans Küng là hai nhà thần học tiêu biểu cho xu hướng muốn mở rộng “cánh cửa” cứu chuộc tới các tôn giáo khác. Thần học gia người Đức, Karl Rahner, đã xây dựng lý thuyết về “Kitô hữu ẩn danh”. Ông cho rằng, những người theo các niềm tin tôn giáo khác cũng chính là các Kitô hữu ẩn danh bởi vì có mối liên hệ ngầm với Chúa Kitô. Như thế thì con người thuộc các tôn giáo cụ thể cũng có thể tìm thấy được sự cứu chuộc. Trong khi đó nhà thần học Hans Küng đưa ra lập luận mạnh mẽ khi khẳng định vẫn có sự cứu chuộc ở ngoài Giáo hội. Sự cứu chuộc ấy không dựa trên nền tảng của Giáo hội mà là dựa vào đức tin của Thiên Chúa.

Tất nhiên, Joseph Ratzinger không tuyên bố Giáo hội là cánh cửa duy nhất để cứu chuộc. Ông đã lập luận cho quan điểm về vai trò đối với vấn đề cứu chuộc của Giáo hội dựa theo Giáo hội học Thánh thể. Trong tác phẩm *Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay* viết năm 1968, Joseph Ratzinger đã lập luận cụ thể về cơ chế mà Giáo hội có thể đóng vai trò hướng Kitô hữu tới đối tượng thiêng của họ là Thiên Chúa. Ông đã dựa theo lập trường Giáo hội học Thánh Thể và cho rằng Giáo hội được nhìn nhận qua hai bí tích nền tảng là Phép rửa (Hòa giải) và Thánh Thể. Joseph Ratzinger viết quan niệm rằng, cách nhìn theo chiều kích bí tích như thế đưa tới một quan niệm về Giáo hội hoàn toàn mang tính “quy thần”, hoàn toàn quy chiếu về Thiên Chúa. Giáo hội trên hết chính là “hồng ân của Thiên Chúa chứ không phải là sự quy tụ của một nhóm người”²⁸.

Trong tác phẩm *Dân mới của Thiên Chúa: Một phác thảo của Giáo hội học* (The New People of God. An Outline of Ecclesiology) viết năm 1969, Joseph Ratzinger đã cho rằng, sự hiệp thông của Giáo hội là một thực tại vô hình, đó là sự hiệp thông của mỗi con người với Chúa Cha qua Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần, và với người khác cùng chung một bản chất thiêng, trong tình yêu thương của Chúa Kitô, cùng chung đức tin và tinh thần. Trong Giáo hội trên trần gian có một mối quan hệ giữa hiệp thông

vô hình và hiệp thông hữu hình trong lời dạy của các Tông đồ, trong các bí tích và trong hệ thống phẩm trật. Bằng những món quà thiêng liêng, đó là những thực tại hữu hình, Chúa Kitô đã thực hiện rất nhiều cách khác nhau để mà cứu chuộc con người. Sự liên kết giữa các yếu tố hữu hình và vô hình của hiệp thông của Giáo hội tiếp tục tạo lập Giáo hội như là một Bí tích cứu chuộc Phổ quát²⁹.

Về sau, trong tác phẩm *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Joseph Ratzinger tiếp tục khẳng định vai trò của Giáo hội đối với vấn đề cứu chuộc các Kitô hữu. Giáo hội không phải guồng máy quản trị mà hơn hết chính là cơ chế cần thiết để cứu chuộc người tín đồ. Điều đó được thể hiện ở chỗ, Giáo hội quy hướng vào Chúa Kitô và đức tin vào Chúa Kitô của mỗi người tín đồ được hướng dẫn, chứng minh bởi Giáo hội. Cá nhân tín đồ không thể nào tự đại diện cho đức tin của mình được mà cần đến cơ chế Giáo hội³⁰. Chính việc thông qua hoạt động phụng vụ, đặc biệt là hoạt động cử hành Bí tích Thánh thể mà Giáo hội đã góp phần vào hiện thực hóa tình yêu cứu độ của Chúa Giêsu Kitô. Qua cơ chế này, Joseph Ratzinger cho rằng, Giáo hội đã giúp “giải thoát con người khỏi sự cô đơn của họ và dẫn họ đến với nhau bằng cách dẫn họ đến cùng Thiên Chúa”³¹. Sự hiệp thông là bản chất của Giáo hội, từ đó mà Giáo hội đã trở thành nơi để Thiên Chúa “nói chuyện” với người tín hữu. Giáo hội vì vậy mà là “dấu chỉ” và “công cụ cứu rỗi”³².

Vai trò của Giáo hội đối với vấn đề cứu chuộc tiếp tục được Joseph Ratzinger, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin, khẳng định mạnh mẽ hơn trong *Tuyên ngôn Dominus Jesus về tính duy nhất và tính phổ quát cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô và Giáo hội* vào năm 2000. Trong tuyên ngôn này, Joseph Ratzinger và các cộng sự đã cho rằng, công cuộc truyền giáo liên tục của Giáo hội đang gặp những “nguy hiểm” từ các thuyết tương đối. Chính các học thuyết tương đối đã tìm cách để biện minh cho chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo cả về mặt thực tiễn và nguyên tắc lý luận. Điều đó dẫn tới cả nguy cơ thay thế vai trò trung gian cứu chuộc của Giáo hội. Tuyên ngôn khẳng định lại Giáo hội là sự cần thiết cho cứu độ:

“Giáo hội, đang lữ hành dưới thế gian, là cần thiết cho sự cứu độ³³.”

Các tuyên bố này của tuyên ngôn tuy là công trình tập thể của Joseph Ratzinger và các cộng sự nhưng rõ ràng phản ánh rất rõ nét Giáo hội học Thánh thể của chính Joseph Ratzinger. Bằng cách xem Giáo hội là thân thể của Chúa Kitô, Joseph Ratzinger đã cho thấy sự không tách biệt giữa Giáo hội và cứu chuộc. Tuy nhiên, ở thời đại Joseph Ratzinger, nhất là thời điểm diễn ra Công đồng Vatican II, thì việc Giáo hội Công giáo có phải là “cánh cửa duy nhất” để cứu chuộc người Kitô hữu hay không là một vấn đề hết sức quan trọng. Lúc đó, để tiến hành đại kết và cởi mở, nhiều nhà thần học cấp tiến đã khẳng định có cả ơn cứu chuộc ở các giáo hội và niềm tin tôn giáo khác. Đương nhiên, Joseph Ratzinger không phủ bác hoàn toàn, nhưng ông cho rằng, Giáo hội duy nhất của Chúa Kitô có hiện diện ở nơi Giáo hội Công giáo. Điều đó có nghĩa rằng, Giáo hội Công giáo có vai trò đích thực đối với vấn đề cứu chuộc của người Kitô hữu một cách trọn vẹn.

2.2. Quan điểm về những vấn đề khác của Giáo hội

2.2.1. Tính nữ của Giáo hội

Maria học hay Thánh Mẫu học (Mariology) có ảnh hưởng sâu sắc và rất quan trọng đối với quan niệm về Giáo hội của Joseph Ratzinger. Trái với cách tiếp cận theo hướng thiên về tính nam, hành động và xã hội học của khái niệm Dân Thiên Chúa, Ratzinger cho rằng, có một thực tại sâu xa hơn của Giáo hội là tính nữ (feminine). Quan trọng hơn cả cấu trúc và hành động của Giáo hội là sự mẫu nhiệm của tình mẹ và tình yêu của người vợ³⁴. Việc nhìn nhận Giáo hội mang tính nữ hay nói cách khác là gắn Giáo hội với hình ảnh người phụ nữ, người mẹ trong quan điểm thần học của Joseph Ratzinger xuất phát từ hai cơ sở.

Cơ sở thứ nhất chính là bối cảnh lịch sử của Giáo hội giai đoạn từ cuối Chiến tranh Thế giới thứ Nhất cho đến Công đồng Vatican II. Thời điểm này, trong sinh hoạt đạo của người Công giáo xuất hiện hai phong trào lớn. Đó là phong trào tin vào sự hiện ra của

Đức Mẹ Maria ở La Salette, Lourdes, và Fatima. Các tuyên bố Đức Mẹ hiện hình đã lan rộng ra tới nhiều nơi của Giáo hội. Trong khi đó, đặc biệt là tại Đức, xuất hiện phong trào đổi mới phụng vụ của tu viện Benedict (Biển Đức), thúc đẩy sự đổi mới của Giáo hội dựa trên các nguồn Kinh Thánh cũng như các quan điểm của Giáo hoàng Piô XII về Giáo hội và Phụng vụ. Thậm chí, phong trào sùng kính Đức Mẹ Maria đã hình thành nên khẩu hiệu *Per Mariam ad Jesum* (Qua Maria đến Chúa Giêsu), dường như đã được đặc trưng bởi một quan niệm về vai trò trung gian của Đức Mẹ Maria. Lòng sùng mộ Đức Mẹ đã đáp ứng được quan niệm của Mẹ Thiên Chúa có ảnh hưởng mạnh từ thời Trung cổ và hiện đại. Điều đó đã cuốn hút được sự quan tâm từ phía Giáo hội Công giáo. Lòng tôn sùng Đức Trinh Nữ Maria bùng lên vào thế kỷ XIX, kéo dài với những lần hiện ra ở Lourdes, ở Fatima và những nơi khác, nhất là với định tín long trọng của Giáo hoàng về ơn Vô Nhiễm Nguyên Tội năm 1850. “Thực ra đây là một trong những đặc tính nổi bật và đặc trưng của lòng đạo đức Công giáo chưa bao giờ mạnh bằng lúc sắp khai mạc Công đồng Vatican II”³⁵.

Cơ sở thứ hai là việc so sánh Giáo hội như hình ảnh của một người phụ nữ đã có nguồn gốc sâu xa từ Kinh Thánh, sau đó được các nhà thần học giáo phụ sử dụng và ngay cả một số nhà thần học cùng thời Joseph Ratzinger phát triển. Trong thực tế, Joseph Ratzinger cho rằng, việc nhìn nhận Giáo hội gắn với hình ảnh của người phụ nữ, mang tính nữ đã xuất phát từ sâu xa trong Kinh thánh Cựu ước khi người Israel tự coi mình là “vị hôn thê mà Chúa muốn tin cậy và phó thác trong tình yêu đời”. Tuy nhiên, phải đến Kinh Thánh Tân Ước thì việc gắn Giáo hội với hình ảnh người phụ nữ - người mẹ mới rõ hơn và được các nhà thần học giáo phụ sau đó tiếp tục sử dụng hình ảnh người phụ nữ để diễn tả về Giáo hội. Theo Joseph Ratzinger, tuy các nhà thần học giáo phụ chưa đề cập tới hình ảnh người phụ nữ là Maria nhưng sự kết nối này đã tạo ra sự gắn kết giữa Maria và Giáo hội, giữa Thánh Mẫu học và Giáo hội học. Như thế, dựa trên cơ sở Kinh Thánh và quan điểm của các

nhà thần học giáo phụ, Joseph Ratzinger đã tiến xa thêm một bước, đó là tập trung vào việc phân tích tính nữ của Giáo hội dựa trên trung tâm điểm là Đức Mẹ Maria. Nói cách khác ông đã đưa hình ảnh Giáo hội gắn liền với người phụ nữ tới trực tiếp gắn liền với Đức Mẹ Maria. Joseph Ratzinger nói: “Giáo hội được cụ thể hóa trong Maria. Và những gì mang ý nghĩa thần học nơi Maria đều được diễn tả nơi Giáo hội. Có thể nói, cả hai hòa nhập vào nhau: Đức Maria là Giáo hội bằng xương bằng thịt, và Giáo hội trong tổng thể của mình là thân xác sẵn đó của Maria”³⁶.

Điểm đặc biệt là trong lúc diễn ra Công đồng Vatican II khi có sự tranh luận liệu nên có chuyên luận riêng về Đức Mẹ Maria hay để chung với Hiến chế tín lý về Giáo hội (*Lumen Gentium*), chính Joseph Ratzinger đã góp phần cổ vũ cho việc tích hợp Maria học vào trong Hiến chế tín lý về Giáo hội³⁷. Cụ thể, trong bài phát biểu chuẩn bị cho Hồng y Frings vào năm 1961 cho Công đồng Vatican II, Ratzinger viết: “Có điều ngày càng rõ ràng là mọi người phải biết rằng Đức Mẹ Maria không đứng cô lập, mà là một hình thức và hình ảnh căn bản của Giáo hội Mẹ (*mater ecclesia*). Đức Mẹ là dấu chỉ sống động của hiện thực mà lòng sùng đạo của Kitô hữu không đứng tách biệt trước Thiên Chúa; Kitô giáo chưa bao giờ nói tới việc “Chúa Kitô và tôi”; tôi cho rằng, trong sự hiệp thông của các thánh có trung tâm điểm là Đức Mẹ Maria, Mẹ của Thiên Chúa. Đức Mẹ là dấu chỉ mà Chúa Kitô không giữ một mình mà chia sẻ để tất cả những ai tin trở nên một thân thể với Người, một Đấng Kitô duy nhất... Do đó, Đức Mẹ Maria là chỉ tới Giáo hội, là sự hiệp thông của các thánh, là sự quy tụ cho cầu nguyện trong phụng vụ. Đó như là nhiệm vụ của các thập kỷ sau để tích hợp các tư tưởng như thế từ phong trào Maria vào trong phụng vụ, để đưa Maria vào trong các chủ đề thần học lớn”³⁸.

Trong tác phẩm *Mary - The Church at the Source* (*Đức mẹ Maria như là nguồn của Giáo hội*) viết chung với Hans Urs Von Balthasar, Joseph Ratzinger cho rằng, dựa trên thần học về Đức Mẹ Maria có thể giúp hiểu sâu hơn về khái niệm Giáo hội theo hai cách.

Thứ nhất, đối lập với cách tiếp cận của khái niệm *Populus Dei* (*Dân Thiên chúa*) nghiêng về xã hội học, tính nam, thì khái niệm *ecclesia* (*Giáo hội*) là tính nữ. Điều này mở ra một chiều kích của mầu nhiệm vượt ra khỏi lĩnh vực xã hội học, một chiều kích mà trong đó một nền tảng thực tế và quyền uy thông nhất của thực tại Giáo hội được lộ diện. Giáo hội vượt trên con người, cấu trúc và hành động. Vì Giáo hội bao gồm mầu nhiệm sống động của thiên chức làm mẹ và tình yêu của người hiền thê. Chỉ có thể có lòng trung tín, tình yêu dành cho Giáo hội khi mầu nhiệm này tồn tại. Khi Giáo hội không còn những điều này nữa mà chỉ còn được thể hiện theo cách lý thuyết thuần túy, cấu trúc và tính nam thì tính giáo hội đích thực sẽ không được nhận thấy, điều mà được toàn bộ Kinh Thánh và giáo phụ nói về Giáo hội.

Thứ hai, Thánh Phaolô đã nhận thấy sự khác biệt đặc biệt của Giáo hội thời Tân Ước so với Đền thờ của Thiên Chúa thời Cựu Ước trong thuật ngữ “Thân thể của Chúa Kitô”. Giáo hội do đó không phải là một tổ chức mà là một sinh thể của Chúa Kitô. Khi Giáo hội trở thành một “dân” thì chỉ có qua trung gian Kitô học. Trung gian này xảy ra trong các bí tích, trong Thánh thể. Cuối cùng sẽ không ai nói được về Giáo hội nếu người đó chỉ nói “Dân Thiên Chúa” mà không đồng thời nói về, hay chí ít nghĩ về, “Thân thể của Chúa Kitô”. Nhưng khái niệm “Thân thể của Chúa Kitô” cũng cần giải thích rõ để tránh hiểu nhầm theo thuyết độc nguyên Kitô (Christomonism). Trong các thuật ngữ của Phaolô, “Thân thể của Chúa Kitô” rõ ràng đối xứng với công thức “Cả hai sẽ nên một xác thịt” (Sáng thế ký 2:24). Giáo hội là thân thể, là xác thịt của Chúa Kitô trong thiên hướng tình yêu nơi mà mầu nhiệm kết đôi của Adam và Eva được hình thành. Giáo hội do đó chỉ có thể được đo đếm một cách hợp lý khi bao hàm mầu nhiệm của Đức mẹ Maria với mầu nhiệm của người nữ tỳ luôn lắng nghe, trở thành hiền thê và thân thể của Chúa. Như thế Maria học sẽ khắc phục được một nền Giáo hội học phi nhân cách. Và chỉ có chiều kích tính nữ của Đức mẹ Maria mới đảm bảo được hiệu quả của đức tin và phù hợp với

con người chứ không phải là một Giáo hội học cấu trúc thuần túy³⁹.

Chính tính nữ của Giáo hội được Joseph Ratzinger cho rằng đã giúp cho Giáo hội vượt lên trên khỏi yếu tố cấu trúc sơ cứng. Giáo hội hiện ra như là một người mẹ, có mẫu nhiệm của tình mẹ và tình yêu của một người vợ hiền. Đồng thời, sự gắn kết Đức Mẹ Maria với hình ảnh Giáo hội, chỉ ra tương quan không thể tách rời giữa Maria - Giáo hội đã tạo ra một Giáo hội có nhân cách sống động chứ không phải là một tổ chức, một bộ máy quản trị. Trong thư gửi cho các giám mục của Giáo hội Công giáo về sự hợp tác của người nam và người nữ trong Giáo hội và trong thế giới năm 2004, Joseph Ratzinger lúc đó là Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin đã cùng với các cộng sự của mình khẳng định lại tầm quan trọng của các giá trị mang tính nữ trong đời sống của Giáo hội. Trong Giáo hội, phụ nữ giống như một dấu chỉ trung tâm và mẫu mực để từ đó đón nhận đức tin vào Thiên Chúa. Với Giáo hội, Đức Mẹ Maria giống như một tham chiếu căn bản, thậm chí có thể ví như “một tấm gương” đặt trước Giáo hội, từ đó mà Giáo hội sẽ nhận ra bản sắc của mình. Đức Mẹ Maria là người mời gọi Giáo hội để lắng nghe và đón nhận Lời của Thiên Chúa⁴⁰.

2.2.2. Cơ cấu của Giáo hội

Khi phân tích về cơ cấu của Giáo hội, Joseph Ratzinger tập trung vào vấn đề mối quan hệ của các thành phần trong Giáo hội. Ông đã dựa trên quan điểm của mình về bản chất của Giáo hội để nhìn nhận về mối quan hệ này. Tuy nhiên, cũng như một số vấn đề khác của Giáo hội học, quan niệm về cơ cấu của Giáo hội của Joseph Ratzinger cũng có sự chuyển biến giữa thời kỳ Công đồng Vatican II và hậu Công đồng Vatican II. Ngay trong tác phẩm *Những điểm nhấn thần học của Công đồng Vatican II*, nhà thần học này khẳng định việc hiểu Giáo hội có tính bí tích sẽ là một khởi điểm thần học để đánh giá về phẩm trật của Giáo hội. Theo đó, bất kỳ một chức vụ nào trong Giáo hội sẽ không phải là vị trí mang tính chất trần tục mà còn mang tính chất thánh thiện⁴¹.

Thời điểm diễn ra Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger cũng như nhiều nhà thần học cấp tiến khác đều vấp phải chủ đề có tính chất nhạy cảm. Đó chính là việc bàn luận về tương quan giữa Giáo hoàng và tập đoàn các giám mục. Joseph Ratzinger tiếp tục phê bình quan điểm của nhà thần học Bellarmine đã đề cao quá mức tính tối thượng của Giáo hoàng mà không dựa vào căn bản của Kinh Thánh, tập trung gán tính chính trị - xã hội vào mô hình Giáo hội và xem Giáo hội như một nền quân chủ. Đến Công đồng Vatican I năm 1870 thì vai trò của giáo hoàng tiếp tục được đề cao, nhưng Joseph Ratzinger đòi hỏi cần có giải thích rõ hơn về mối tương quan của Giáo hoàng với tập đoàn giám mục. Đó là mối quan hệ bao hàm, tương hỗ chứ không phải tách biệt. “Nếu như Thánh Phêrô thuộc về cộng đoàn của nhóm 12 thế nào, thì Đức Giáo hoàng cũng thuộc về tập đoàn Giám mục như thế, bất kể ngài có vai trò đặc biệt thế nào đi nữa, ngài vẫn không ở ngoài mà ở trong tập đoàn ấy”⁴².

Điều này xuất phát từ quan điểm xem các giám mục như là những người kế vị các tông đồ, giáo hoàng cũng là một giám mục và là người kế vị Thánh Phêrô. Cho nên tương quan của giáo hoàng với các giám mục cũng giống như tương quan của Phêrô trong nhóm 12 tông đồ. Mà bản chất của nhóm 12 tông đồ là tính đoàn thể, không tách rời, không ai là đứng lẻ loi một mình. Từ đó, Joseph Ratzinger cũng đồng tình với xu hướng xem các giám mục chủ yếu như là một tập đoàn, chức vụ của giám mục là đặt trong tương quan, hiệp thông với nhau và các giám mục là một tập đoàn tiếp nối cộng đoàn nhóm 12 tông đồ. Đồng thời Joseph Ratzinger còn cho rằng, cách nhìn nhận về cơ chế cai quản Giáo hội như thời Trung cổ dựa trên vai trò của Giáo hoàng là người ủy thác và tổ chức quyền cai quản cần được khắc phục trong thời hiện đại. Bằng cách nhấn mạnh tới tính bí tích của chức vụ Giám mục, quyền cai quản của Giám mục đã không còn mang nghĩa nặng về phạm tục nữa, cũng không còn xuất phát từ bên ngoài nữa mà có sự kết hợp với mầu nhiệm thiêng liêng của Giáo hội. Đáng chú ý, Joseph

Ratzinger lúc đó còn mạnh dạn cho rằng, theo hướng như thế này thì việc thảo luận về việc “tân quyền” của Giáo hội mới có thể thực hiện được⁴³.

Sang giai đoạn hậu Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger trở nên “cứng rắn” hơn trong quan niệm về cơ cấu của Giáo hội, đặc biệt là vấn đề tính tập đoàn của giám mục cũng như mối quan hệ giữa các thành phần giáo sĩ và giáo dân. Từ chỗ đề cao tập đoàn tính của Giám mục, trước khi diễn ra Thượng Hội đồng Giám mục năm 1985, Joseph Ratzinger đã tuyên bố rằng, các hội đồng giám mục không có vị trí thần học và phát triển hình thức tổ chức này có thể tạo ra bức tường ngăn cách giữa Tòa Thánh Vatican và cá nhân các giám mục⁴⁴. Đồng thời với việc phủ nhận cơ sở thần học của các hội đồng giám mục, Joseph Ratzinger còn xem loại hình tổ chức này không thuộc về cấu trúc của Giáo hội như là ý của Chúa Kitô, cho nên các hội đồng giám mục chỉ có chức năng thực tiễn thôi và các văn bản từ hội đồng giám mục không có sức nặng như các văn bản được đưa ra bởi cá nhân các giám mục⁴⁵.

Khi giải thích về Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger cho rằng, công đồng này muốn đặc biệt tăng cường vai trò và trách nhiệm của các giám mục bằng việc kết nối và hoàn thiện công việc của Công đồng Vatican I, và chỉ có thể xem xét vấn đề của giám mục với giáo hoàng. Các nghị phụ Công đồng sau đó đã xác nhận ơn bất khả ngộ trong huấn quyền của giáo hoàng với vai trò là chủ chăn và thầy dạy tối cao khi tuyên bố về đức tin hay những vấn đề về luân lý. Thế nhưng một số nhà thần học đã không hiểu đầy đủ ý nghĩa này lại muốn nhấn mạnh hội đồng giám mục cũng tham gia vào “ơn bất khả ngộ trong Huấn quyền”, cho rằng các giám mục cũng duy trì mối liên hệ hiệp thông với nhau và cùng với sự kế vị của Thánh Phêrô⁴⁶. Sự phủ bác quyền giáo huấn của hội đồng giám mục của Joseph Ratzinger phần nào đó đã không được sự ủng hộ của các giám mục tham dự Thượng Hội đồng Giám mục năm 1985, một sự kiện diễn ra để đánh giá về những ảnh hưởng của Công đồng Vatican II.

Càng về sau, Joseph Ratzinger càng nhấn mạnh tới tính phẩm trật và sự quan trọng của vâng phục quyền bính của giáo dân đối với giáo sĩ trong cơ cấu tổ chức của Giáo hội Công giáo. Trước Công đồng Vatican II, Giáo hoàng Piô XI từng khuyến khích phong trào Công giáo tiến hành, thúc đẩy vai trò của người giáo dân tham gia các công việc trần thế. Tới Công đồng Vatican II, cũng xuất hiện xu hướng thần học đề cao vai trò của người giáo dân, nhấn mạnh tới tính đồng bản chất giữa các thành phần Dân Thiên Chúa, cụ thể hơn là giữa giáo sĩ và giáo dân. Sau Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger nhận thấy xuất hiện xu hướng muốn đẩy giáo dân trở thành người đối đầu với giáo sĩ và hô hào người giáo dân giành lại quyền trong Giáo hội. “Họ bảo, giáo dân phải cử ra các đại diện, và các đại diện đó, ở Đức, có cơ quan cao nhất là Ủy ban Trung ương của người Công giáo Đức, để nói lên tiếng nói của giáo dân. Và phía giáo sĩ cũng cử ra đại diện của họ. Hoàn toàn vô nghĩa. Như vậy thì giáo sĩ để cho ai? Nhất là người ta còn bảo cả hai giới phải chung nhau nghĩ xem nên tổ chức Giáo hội như thế nào, nên giữ lại gì cho kho tàng đức tin. Rằng phải hạ bệ giáo sĩ và giáo dân phải giành lại tiếng nói của mình”⁴⁷.

Joseph Ratzinger khẳng định suy giảm “sự vâng phục” là một trong những vấn đề nghiêm trọng. Điều đó xuất phát từ quan niệm của một số người coi sự vâng phục không phải là đức hạnh của người Kitô hữu chỉ là một “di sản” của quá khứ quyền bính, giáo điều trong lịch sử Giáo hội cần phải được loại bỏ. Ông cho rằng, ngay cả cấu trúc của Giáo hội cũng không phải là ý chí của riêng ai mà là ý của Chúa Kitô, hàng phẩm trật của Giáo hội được thiết lập bởi chính Thiên Chúa. Cho nên sự chối bỏ quyền bính đó cũng chính là chối bỏ quyền bính do Thiên Chúa xác lập chứ không phải là quyền bính được lập nên như cơ chế đồng thuận của đại đa số các thành viên trong các tổ chức chính trị-xã hội. Bởi vì Giáo hội không phải là tổ chức trần thế thuần túy, trái lại là một tổ chức vượt trên tính trần thế, có một cấu trúc bất biến do Thiên Chúa xác lập.

Một số nhận xét

Joseph Ratzinger dựa trên nền tảng đào tạo thần học của mình, đã nỗ lực vượt qua các học thuyết thần học về Giáo hội trước đó cũng như đương thời. Các nghiên cứu của ông đối với tư tưởng thần học của Augustine là để tranh biện lại với quan điểm về Giáo hội của Tertullian cũng như quan điểm của phái Donatist từ thời các giáo phụ. Joseph Ratzinger nhấn mạnh tới chiều kích hiệp thông để vượt qua sự phân tách giữa Giáo hội thể chế và Giáo hội tâm linh của Tertullian⁴⁸. Không những đặt mình vào cuộc đối thoại với các nhà thần học xa xưa, các quan điểm về Giáo hội của Joseph Ratzinger còn thể hiện cách đi mới theo hướng tổng tích hợp để đưa ra cách nhìn nhận về Giáo hội toàn diện hơn các khuynh hướng hoặc là quá nhấn mạnh vào yếu tố cấu trúc hữu hình, hoặc là quá nhấn mạnh vào yếu tố tâm linh mầu nhiệm. Cách nhìn nhận Giáo hội như là Bí tích Thánh thể, như là Thân thể của Chúa Kitô cũng là muốn vượt qua cái nhìn nhị nguyên phân tách yếu tố Thiên và Phàm của Giáo hội.

Trong diễn trình lịch sử Giáo hội học thì tư tưởng nhấn mạnh tới yếu tố hữu hình và cấu trúc tổ chức của Giáo hội bắt đầu diễn ra mạnh từ thời Trung cổ, được nhấn mạnh hơn nữa từ Công đồng Trent khi mà Giáo hội đối mặt với cuộc đại phân ly lần thứ hai giữa Công giáo và Tin lành. Nhà thần học dòng Tên Robert Bellarmine⁴⁹ thế kỷ XVI-XVII đã khẳng định Giáo hội là một cộng đồng người được kết nối với nhau nhờ có chung đức tin Kitô giáo và chung các bí tích, đặt dưới sự quản trị của các vị mục tử hợp pháp và đặc biệt là Giáo hoàng - người đại diện của Chúa Kitô trên trái đất. Bellarmine cũng từng ví Giáo hội như một vương quốc Pháp hoặc Cộng hòa Venice. Xu hướng này tiếp tục được nhấn mạnh tới Công đồng Vatican I và dần dần Giáo hội được xem như một xã hội hữu hình, một xã hội hoàn hảo. Giáo hoàng Piô XII đưa ra khái niệm “nhiệm thể” để cân bằng lại quan điểm xem Giáo hội như xã hội của Bellarmine. Đến Joseph Ratzinger đã tạo ra một mô hình tích hợp khi ông phát triển một Giáo hội học Thánh thể. Tất nhiên, sự

phát triển nền Giáo hội học Thánh thể này của Joseph Ratzinger chịu ảnh hưởng lớn của nhà thần học Henri de Lubac. Qua các tác phẩm của mình, Joseph Ratzinger đã thể hiện rõ ràng nguyên tắc thần học mà Henri de Lubac đặt ra là “Bí tích Thánh thể sản sinh ra Giáo hội và Giáo hội tạo ra Bí tích Thánh thể”. Nếu Henri de Lubac là người đặt nền móng, đóng vai trò “khai quật”, thì Joseph Ratzinger lại chính là người đi sau đã khám phá những ẩn ý và đưa ra những tổng kết về nền Giáo hội học Thánh thể.

Khác với một số nhà thần học cùng thời như Yves Congar, Hans Küng, Joseph Ratzinger chủ trương nhấn mạnh tới sự khác biệt của Giáo hội so với các tổ chức xã hội khác. Ông không giống Hans Küng nhìn nhận Giáo hội theo hướng nghiêng về yếu tố thực chứng lịch sử, xem xét vai trò của Chúa Giêsu đối với Giáo hội như một nhân vật lịch sử. Joseph Ratzinger cũng khác với Yves Congar nhấn mạnh tới yếu tố nhân học và xã hội học khi xem xét bản chất của Giáo hội. Mặc dù thừa nhận, một mặt Giáo hội được cấu thành bởi con người để tạo nên hình thức bên ngoài, nhưng mặt khác Joseph Ratzinger xem yếu tố ẩn đằng sau hình thức của Giáo hội mới là yếu tố quan trọng. Các cấu trúc căn bản của Giáo hội không phải là yếu tố thuần túy con người mà tất cả đều được tạo bởi chính Thiên Chúa, do đó vượt lên khỏi yếu tố con người thông thường. Chính vì vậy, Joseph Ratzinger khẳng định Giáo hội ngoài tính chất của con người còn có tính chất thần thiêng và điều đó thì các nhà cải cách, các nhà xã hội học cũng như các nhà tổ chức sẽ không có quyền gì cả.

Điểm quan trọng thứ hai trong đánh giá về Giáo hội học của Joseph Ratzinger chính là sự quy hướng về Thiên Chúa. Đây là điều dễ hiểu đối với một nhà thần học Công giáo bởi vì dựa trên quan điểm lập trường của mình thì việc hướng đích về đối tượng thiêng là Thiên Chúa là chuyện đương nhiên. Điều đáng quan tâm ở chỗ việc đưa lập luận về sự kết nối giữa Giáo hội với Thiên Chúa như thế nào. Khi bước sang thế kỷ XX, việc nhìn nhận Giáo hội như một mẫu hình xã hội hoàn hảo đã được nhiều nhà thần học cấp tiến xem xét

lại. Yves Congar lúc đó đã tìm ra mô hình Giáo hội quy hướng về Chúa Kitô, nhưng dựa trên nền tảng quan điểm về dân Thiên Chúa và Chúa Thánh Thần. Cách tiếp cận của Yves Congar do đó là thần học nhân học và nhân học thánh linh học. Còn với Joseph Ratzinger, như ở trên đã trình bày, theo cách tiếp cận Giáo hội học Thánh thể. Sự quy thần của Giáo hội được dựa trên nền tảng quan điểm xem Giáo hội như là một bí tích, như là “Thân thể của Chúa Kitô” (Body of Christ). Việc nhập vào làm một và trở thành Thân thể của Chúa Kitô đã đưa Giáo hội vượt qua ranh giới của sự chết, một điểm mà Joseph Ratzinger cho rằng đã tạo nên sự khác biệt hẳn của Giáo hội khi so với các tổ chức thuần túy của con người.

Chính Bí tích Thánh thể và Rửa tội đã tạo nên sự nhất thể hóa cho Giáo hội và các thành viên chứ không phải thông qua tiêu chuẩn xã hội học kiểu như chủ nghĩa tập thể. Sự kết nối của Giáo hội được Joseph Ratzinger nhấn mạnh quan trọng trước hết là sự kết nối có tính chất Kitô học chứ không phải là xã hội học. Do đó Giáo hội được nhìn nhận không phải là tập hợp đơn giản của các thành viên mà là “Thân thể của Chúa Kitô”. Dựa theo những lập luận mà Joseph Ratzinger đưa ra thì có thể nói rằng, Giáo hội học của Joseph Ratzinger dựa trên nền tảng của Kitô học. Joseph Ratzinger cũng tin việc đưa quan điểm về bản chất của Giáo hội thoát ra khỏi tư tưởng của chủ nghĩa tập thể để quy hướng về Thiên Chúa sẽ chính là giải pháp hoàn hảo, cân bằng lại quan điểm quá nhấn mạnh vào việc nhìn nhận Giáo hội như là Dân Thiên Chúa. Joseph Ratzinger đã không xem xét Giáo hội dựa trên khuôn mẫu xã hội, chính trị mà dựa vào quan điểm của Kinh Thánh Tân Ước, nhấn mạnh tới bản chất thiêng của Giáo hội chứ không chỉ nhìn nhận Giáo hội là một tổ chức thuần túy con người.

Vấn đề thứ ba không thể không nhắc tới khi nhận xét về Giáo hội học của Joseph Ratzinger, chính là những ảnh hưởng của các quan điểm về Giáo hội của nhà thần học này tới Công đồng Vatican II trong quá trình diễn ra công đồng này và thời kỳ sau công đồng. Song điểm cần lưu ý là trong quan điểm về những vấn đề liên quan

đến Giáo hội, Joseph Ratzinger có sự chuyển biến từ hướng cấp tiến, cởi mở sang cứng rắn hơn giữa thời kỳ diễn ra Công đồng Vatican II và sau Công đồng Vatican II. Ông đồng thời vừa là người có đóng góp cho các quan điểm về Giáo hội trong một số văn kiện của Công đồng Vatican II, vừa là người có vai trò rất lớn trong việc giải thích các quan điểm về Giáo hội của Công đồng Vatican II ở giai đoạn hậu Công đồng.

Khi diễn ra Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger là một trong những cố vấn thần học trẻ tuổi nhất. Thời điểm đó, có thể nói Joseph Ratzinger cũng là một trong những nhà thần học cấp tiến. Ông tham gia cả 4 phiên của Công đồng Vatican II với vai trò là cố vấn thần học của Hồng y Joseph Frings, Giám mục Cologne ở Đức. Vì thế, nhiều đóng góp của Joseph Ratzinger đối với Công đồng Vatican II được truyền tải nhiều qua Joseph Frings. Các phân tích của Joseph Ratzinger và Joseph Frings đã chỉ ra ba vấn đề quan trọng mà Giáo hoàng Gioan XXIII cũng như Công đồng Vatican II quan tâm. *Thứ nhất*, đó là ảnh hưởng của hai cuộc chiến tranh thế giới đã cho thấy những giới hạn của văn hóa truyền thống của Tây Âu. Cho nên Giáo hội Công giáo cần có sự mở rộng ra đối với sự đa dạng của nhân loại. Điều này đòi hỏi cần phá bỏ tính đồng nhất về phụng vụ theo nghi lễ Latinh để cho phép người tín đồ có thể thể hiện tôn thờ Thiên Chúa theo nhiều cách khác nhau. Đồng thời bộ máy quản trị của Giáo hội cũng cần giảm đi việc tập trung hóa để trao cho các giám mục và các hội đồng giám mục vai trò lớn hơn trong các vùng do họ quản lý. *Thứ hai*, trong xã hội công nghiệp - đô thị giữa thế kỷ XX, con người ít quan tâm tới các kỳ quan thiên nhiên do Thiên Chúa tạo ra. Do đó, Công đồng cần tập trung nhiều hơn vào các thực tại do con người tạo ra, các sản phẩm của công nghiệp và công nghệ. *Thứ ba*, Ratzinger đã cố vấn cho Hồng y Frings đưa vấn đề lòng sùng mộ đối với Đức Mẹ Maria vào trong văn kiện của Công đồng Vatican II. Cuối cùng thì những vấn đề này ít nhiều đã được tích hợp trong văn kiện của Công đồng⁵⁰.

Trong thời kỳ đầu diễn ra Công đồng Vatican II vào năm 1962,

Joseph Ratzinger đã chính thức được đề cử làm cố vấn thần học của Công đồng chứ không chỉ là cố vấn riêng của Hồng y Frings. Chính vì thế ông đã có dịp mở rộng phạm vi hoạt động của mình và tham gia cộng tác với nhiều nhà thần học tại Công đồng như Karl Rahner và Yves Congar. Joseph Ratzinger đã tham gia phê bình, chỉnh sửa một số bản thảo văn kiện, nội dung quan trọng liên quan đến quan điểm về Giáo hội của Công đồng Vatican II, như: Hiến chế tín lý về Giáo hội, Giáo hội trong thế giới ngày nay, sắc lệnh truyền giáo. Nhờ hỗ trợ của Hồng y Frings và tham gia vào Công đồng Vatican II, Joseph Ratzinger ngay thời điểm sau công đồng đã có những giải thích và ghi chép mô tả về các điểm thần học của Công đồng Vatican II.

Tuy nhiên, quan điểm về Giáo hội của Joseph Ratzinger đã trở nên cứng rắn hơn trong thời kỳ hậu Công đồng Vatican II. Nguyên do vì Joseph Ratzinger tham gia ngày càng sâu vào bộ máy quản trị của Giáo hội, lại giữ vị trí quan trọng là Bộ trưởng Bộ giáo lý Đức tin, nên ông đã dường như phát biểu các vấn đề liên quan đến Giáo hội dựa trên cả góc nhìn của nhà quản trị Giáo hội và nhà thần học. Nhưng nguyên nhân quan trọng hơn là các vấn đề thực tiễn diễn ra chính trong lòng Giáo hội Công giáo từ sau Công đồng Vatican II, đặc biệt là trong việc diễn giải Giáo hội học thời kỳ hậu Công đồng Vatican II.

Các phong trào phát sinh từ sau Công đồng Vatican II đã đặt ra nguy cơ ảnh hưởng tới quyền uy của Tòa Thánh Vatican và sự điều hành theo cơ chế tập trung của Giáo hội Công giáo. Nếu tạp chí Concilium của nhóm Hans Küng thành lập đã thúc đẩy các quan điểm thần học của Công đồng thuyết⁵¹, nhấn mạnh tới cách nhìn và điều hành Giáo hội như là một công đồng, thì lúc đó còn xuất hiện các vấn đề đáng chú ý như đại kết và canh tân phụng vụ tại Hà Lan, phong trào thần học giải phóng cũng như việc ra đời tổ chức Công đồng các Giám mục châu Mỹ Latinh (Latin American Episcopal Council - CELAM) ở châu Mỹ Latinh. Phong trào phụng vụ tại Hà Lan dường như đã vượt quá xa khi hàng phẩm trật Công giáo tại

đây đã cho ra đời cả bộ Giáo lý Công giáo Hà Lan vào năm 1966, trong khi sách Giáo lý chính thức sau Công đồng Vatican II của Giáo hội Công giáo phải vào năm 1992 mới ra mắt. Trong khi đó, Công đồng các Giám mục châu Mỹ Latinh lại hỗ trợ cho sự phát triển của các cộng đoàn giáo hội cơ bản và thần học giải phóng, khuyến khích các cộng đoàn này tham gia vào các vấn đề chính trị - xã hội. Những phong trào này được cho là bắt nguồn từ việc khuyến khích quá mức quan điểm về vai trò tính tập đoàn của các giám mục đối với việc thúc đẩy tư tưởng của Công đồng Vatican II đi vào đời sống của Giáo hội. Để bảo vệ Giáo hội trước những phong trào như vậy, Joseph Ratzinger đã nhấn mạnh tới tính truyền thống và phẩm trật của Giáo hội. Ông cũng khẳng định Giáo hoàng là đóng vai trò cố kết trong Giáo hội nhưng Giáo hội và Giáo hoàng không phải là cơ chế chuyên quyền mà là để phục vụ. Thậm chí Giáo hoàng còn là người giữ cho Giáo hội luôn “nằm trong tay Thiên Chúa, không để nó bị nhào nặn bởi con người”⁵². /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem: Clifford W. Mills (2007), *Modern World leaders Pope Benedict XVI*, Infobase Publishing, tr. 44.
- 2 Clifford W. Mills (2007), *Modern World leaders Pope Benedict XVI*, Sdd, tr. 72.
- 3 Clifford W. Mills (2007), *Modern World leaders Pope Benedict XVI*, Sdd, tr. 30.
- 4 Clifford W. Mills (2007), *Modern World leaders Pope Benedict XVI*, Sdd, tr. 54.
- 5 *Self-Presentation of His Eminence Card. Joseph Ratzinger as member of the Pontifical Academy of Sciences*, https://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/biography/documents/hf_ben-xvi_bio_20050419_self-presentation.html, truy cập ngày 25/4/2019.
- 6 Tracey Rowland (2008), *Ratzinger's faith the Theology of Pope Benedict XVI*, Oxford University Press, bản PDF, tr. 2.
- 7 Xem: Aidan Nichols OP (2007), *The Thought of Pope Benedict XVI, New Edition An Introduction to the Theology of Joseph Ratzinger*, Burns & Oates, tr. 18.
- 8 Xem: Tracey Rowland (2008), *Ratzinger's faith the Theology of Pope Benedict XVI*, Sdd, tr. 4.
- 9 Xem: Tracey Rowland (2008), *Ratzinger's faith the Theology of Pope Benedict XVI*, Sdd, tr. 5.

- 10 Aidan Nichols OP (2007), *The Thought of Pope Benedict XVI, New Edition An Introduction to the Theology of Joseph Ratzinger*, Sđd, tr. 11.
- 11 Xem: trên <http://vaticanfiles.org/en/tag/ratzinger/>
- 12 Aidan Nichols OP (2007), *The Thought of Pope Benedict XVI, New Edition An Introduction to the Theology of Joseph Ratzinger*, Sđd, tr. 37.
- 13 Emery De Gaál, *The Theology of Pope Benedict XVI The Christocentric Shift*, PLAGRAVE MACMILLAN, 2010, tr. 22.
- 14 Tracey Rowland (2008), *Ratzinger's faith the Theology of Pope Benedict XVI*, Sđd, tr. 3.
- 15 Xem thêm trong Báo cáo Tổng kết đề tài cấp cơ sở năm 2018 “*Quan điểm của Hans Küng về giáo hội (qua tác phẩm Các cấu trúc của Giáo hội)*” của tác giả Dương Văn Biên, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- 16 John F. Thornton and Susan B. Varenne, *The essential Pope Benedict XVI His Central Writing and Speeches*, HarperCollins e-books, 2008, tr. 73.
- 17 Hồng y Joseph Ratzinger (Lm. Nguyễn Luật Khoa, ofm, dịch) (2010), *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 422.
- 18 John F. Thornton and Susan B. Varenne (2008), *The essential Pope Benedict XVI - His Central Writing and Speeches*, Sđd, tr. 74.
- 19 Hồng y Joseph Ratzinger (Lm. Nguyễn Luật Khoa, ofm, dịch) (2010), *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Sđd, tr. 62-63.
- 20 Joseph Cardinal Ratzinger and Vittorio Messori (Translated by Salvator Attanasio and Graham Harrison) (1985), *The Ratzinger Report: An Exclusive Interview on the State of the Church*, Ignatius Press, tr. 64.
- 21 John F. Thornton and Susan B. Varenne (2008), *The essential Pope Benedict XVI His Central Writing and Speeches*, Sđd, tr. 64.
- 22 Paul Avis (2018), *The Oxford Handbook of Ecclesiology*, Oxford University Press, p. 450.
- 23 Xem toàn văn Thông điệp tại http://w2.vatican.va/content/pius-xii/en/encyclicals/documents/hf_p-xii_enc_29061943_mystici-corporis-christi.html, truy cập ngày 10/8/2019.
- 24 Paul Avis (2018), *The Oxford Handbook of Ecclesiology*, Sđd, tr. 450.
- 25 Joseph Ratzinger (Nguyễn Đức Thông dịch) (2015), *Những điểm nhấn thần học của Công đồng Vatican II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 53.
- 26 Paul Avis (2018), *The Oxford Handbook of Ecclesiology*, Sđd, tr. 450.
- 27 Paul McPartlan, *Sacrament of salvation an introduction to Eucharistic Ecclesiology*, T&T Clark LTD, 1995, XV.
- 28 Joseph Ratzinger (Nguyễn Quốc Lâm và Phạm Hồng Lam dịch) (2009), *Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 360-361.
- 29 Emery de Gaál (2010), *The theology of Pope Benedict XVI The Christocentric Shift*, Palgrave Macmillan, tr. 176.

- 30 Hồng y Joseph Ratzinger (Lm. Nguyễn Luật Khoa, ofm, dịch) (2010), *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Nxb. Phương Đông, tr. 55-56.
- 31 Hồng y Joseph Ratzinger (Lm. Nguyễn Luật Khoa, ofm, dịch), *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Sđd, tr. 72.
- 32 Hồng y Joseph Ratzinger (Lm. Nguyễn Luật Khoa, ofm, dịch), *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Sđd, tr. 77.
- 33 Theo Congregation for the Doctrine of the Faith (2000), *Declaration "Dominus IESUS" on the Unicity and Salvific Universality of Jesus Christ and the Church*, nguồn: http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_20000806_dominus-iesus_en.html, truy cập ngày 10/9/2019.
- 34 Tracey Rowland, Ratzinger: *The Theology of Pope Benedict XVI*, Sđd, tr. 87.
- 35 John W.O' Malley (Nguyễn Đức Thông dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Nxb. Phương Đông, tr. 330.
- 36 Joseph Ratzinger (Phạm Hồng Lam dịch) (2011), *Thiên Chúa và trần thế Tin và Sống trong thời đại ngày nay trao đổi với Peter Seewald*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 357.
- 37 Emery de Gaál (2010), *The theology of Pope Benedict XVI The Christoncentric Shift*, Palgrave Macmillan, tr. 101.
- 38 Emery de Gaál, *The theology of Pope Benedict XVI*, Sđd, tr. 295-296.
- 39 Hans Urs von Balthasar, Joseph Cardinal Ratzinger (Johannes Verlag, Einsiedeln, Freiburg im Breisgau dịch) (2005), *Mary- The Church at the Source*, Ignatius Press, San Francisco, tr. 25-26.
- 40 Xem thêm *Letter to the bishops of the Catholic Church on the collaboration of men and women in the Church and in the world*, http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_20040731_collaboration_en.html, truy cập ngày 18/6/2019.
- 41 Joseph Ratzinger, *Những điểm nhấn thần học của Công đồng Vatican II*, Sđd, tr. 57.
- 42 Joseph Ratzinger, *Những điểm nhấn thần học của Công đồng Vatican II*, Sđd, tr. 60.
- 43 Joseph Ratzinger, *Những điểm nhấn thần học của Công đồng Vatican II*, Sđd, tr. 146-147.
- 44 Norman Tanner (2011), *The Church in council- Conciliar movements, religious practice and the papacy from Nicaea to Vatican II*, I.B Tauris & Co Ltd, tr. 99.
- 45 Xem thêm: Francis A. Sullivan, S.J., *The teaching authority of Episcopal conferences*, Theological Studies 63 (2002).
- 46 Joseph Cardinal Ratzinger and Vittorio Messori (Translated by Salvator Attanasio and Graham Harrison) (1985): *The Ratzinger Report: An Exclusive Interview on the State of the Church*, Sđd, tr.59.

- 47 Joseph Ratzinger (Phạm Hồng Lam dịch) (2011): *Thiên Chúa và trần thế Tin và Sống trong thời đại ngày nay trao đổi với Peter Seewald*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 392.
- 48 Emery de Gaál, *The theology of Pope Benedict XVI*, Sđd, tr. 64.
- 49 Robert Bellarmine là nhà thần học và hồng y người Italia sinh năm 1542 và mất năm 1621. Ông được xem là nhân vật đứng đầu trong giới Chống cải cách của Công giáo và ủng hộ quan điểm của Công đồng Trent.
- 50 Theo những phân tích của W. Jared Wicks trong W. Jared Wicks (2007), *Prof. Ratzinger at Vatican II: A Chapter in the Life of Pope Benedict XVI, Yamauchi lectures in religion*, Loyola University, tr. 3-4.
- 51 Công đồng thuyết (Conciliarism) là một phong trào cải cách trong Giáo hội Công giáo từ thế kỷ 14-16, với quan điểm cho rằng đại công đồng có quyền độc lập ngay cả với Giáo hoàng, có thể hạn chế quyền của Giáo hoàng. Về sau quan điểm này được các nhà thần học hiện đại như Hans Küng tiếp nối.
- 52 Joseph Ratzinger (Phạm Hồng Lam dịch) (2011), *Thiên Chúa và trần thế Tin và Sống trong thời đại ngày nay trao đổi với Peter Seewald*, Sđd, tr. 393.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aidan Nichols OP (2007), *The Thought of Pope Benedict XVI, New Edition An Introduction to the Theology of Joseph Ratzinger*, Burns & Oates.
2. Clifford W. Mills (2007), *Modern World leaders Pope Benedict XVI*, Infobase Publishing.
3. Emery de Gaál (2010), *The theology of Pope Benedict XVI The Christocentric Shift*, Palgrave Macmillan.
4. Hans Urs von Balthasar, Joseph Cardinal Ratzinger (Johannes Verlag, Einsiedeln, Freiburg im Breisgau dịch) (2005), *Mary - The Church at the Source*, Ignatius Press, San Francisco.
5. Norman Tanner (2011), *The Church in council- Conciliar movements, religious practice and the papacy from Nicaea to Vatican II*, I.B Tauris & Co Ltd.
6. Francis A. Sullivan, S.J., *The teaching authority of Episcopal conferences*, Theological Studies 63 (2002).
7. Paul Avis (2018), *The Oxford Handbook of Ecclesiology*, Oxford University Press.
8. John W.O' Malley (Nguyễn Đức Thông dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Nxb. Phương Đông.
9. John F. Thornton and Susan B. Varenne, *The essential Pope Benedict XVI His Central Writing and Speeches*, Harper Collins e-books.
10. Joseph Cardinal Ratzinger and Vittorio Messori (Translated by Salvator Attanasio and Graham Harrison) (1985), *The Ratzinger Report: An Exclusive Interview on the State of the Church*, Ignatius Press.
11. Joseph Ratzinger (Nguyễn Quốc Lâm và Phạm Hồng Lam dịch) (2009), *Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

12. Joseph Ratzinger (Lm. Nguyễn Luật Khoa, ofm, dịch) (2010), *Nguyên lý của thần học Công giáo*, Nxb. Phương Đông.
13. Joseph Ratzinger (Phạm Hồng Lam dịch) (2011), *Thiên Chúa và trần thế Tin và Sống trong thời đại ngày nay trao đổi với Peter Seewald*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
14. Tracey Rowland (2008), *Ratzinger's faith the Theology of Pope Benedict XVI*, Oxford University Press.
15. W. Jared Wicks trong W. Jared Wicks (2007), *Prof. Ratzinger at Vatican II: A Chapter in the Life of Pope Benedict XVI, Yamauchi lectures in religion*, Loyola University.
16. Website: <http://www.vatican.va>; <http://vaticanfiles.org>; <http://w2.vatican.va>

Abstract

ECCLESIOLOGY OF JOSEPH RATZINGER: BASE FOR FORMATION AND ESSENTIAL CONTENT

Duong Van Bien

Institute for Religious Studies, VASS

Joseph Ratzinger is a theologian who has had a great influence on contemporary Catholicism, especially in terms of ecclesiology. In order to systematically explain and evaluate Ratzinger's view of the Church, this paper focuses on two main parts. Firstly, it indicated the background, the basis of formation Joseph Ratzinger's theological perspective on the Church such as the context, personal life and theological training. Secondly, it analyzes the fundamental contents of Joseph Ratzinger's ecclesiology like the view on the nature of the Church, its structure and femininity.

Keywords: Ecclesiology; Communion; Eucharist; Femininity; Structure; Joseph Ratzinger.